

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trang;
2. Ông Phạm Hồng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 250/TB-TA ngày 07/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vương Hồ V, sinh năm 1976; nơi cư trú: số 153, tổ 04, ấp LH, xã LH, huyện PT, tỉnh AG.

Bị đơn: Bà Lý Ngọc M, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 619, khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông Vương Hồ V và bà Lý Ngọc M đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vương Hồ V trình bày: Vào khoảng năm 2009, ông V và bà M do mai mối, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT, tỉnh AG số đăng ký kết hôn 50, quyển số I ngày 14/5/2009. Sau khi kết hôn, ông V và bà

M đi làm ở thành phố HCM01 (một) năm sau đó, trở về địa phương sống chung với gia đình mẹ ruột bà M tại khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, ông V và bà M chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, ông V và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, do bà M buôn bán thua lỗ dẫn đến thiếu nợ nhiều người, cụ thể: Võ Thị Kim L, Võ Thị Kim Ph, Phan Thị Phg (đã được giải quyết xong). Đến năm 2015, ông V và bà M sống xa nhau cho đến nay.

Năm 2016, ông V đã khởi kiện ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và đã được Tòa án xét xử bằng bản án hôn nhân và gia đình số 273/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017. Theo bản án này, Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, nhưng đã giải quyết về phần nợ chung của ông V và bà M. Kể từ ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông V cho đến nay, ông V và bà M không liên lạc với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, giữa ông V và bà M do không còn phù hợp với nhau về tình cảm, kinh tế. Hai bên gia đình đã hàn gắn cho ông V và bà M nhưng nhận thấy tình cảm gia đình không thể hàn gắn. Ông V kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Lý Ngọc M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bà M có 01 (một) con chung tên Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011. Con chung đang sống chung với bà M tại khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG, cháu đang học lớp 02 tại trường Tiểu Học LH, cuộc sống cháu ổn định.

Hiện nay, ông V mua bán đồ gia dụng ở các chợ phường LS, LH thuộc thị xã TC và huyện HN, tỉnh ĐT thu nhập ổn định, có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung nên ông V đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dạy tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về nợ chung: Đã được giải quyết bằng bản án hôn nhân và gia đình số 273/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu và đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành án, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Ngọc M trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng và nợ chung (Đã được giải quyết bằng bản án hôn nhân và gia đình số 273/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu và đã có hiệu lực pháp luật) như ông V trình bày. Từ Năm 2014, bà M và ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, bà M và ông V không hàn gắn tình cảm gia đình được với nhau, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, ông V còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng bà M

không có chứng cứ chứng minh. Bà M vẫn còn yêu thương chồng con nên bà M không đồng ý ly hôn với ông V, yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bà M có 01 (một) con chung tên Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011. Bà M khai, bà M mua bán thuê cho người thân ở Chợ Tân Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung ăn học. Hiện tại, con chung đang chung sống với bà M và cuộc sống ổn định. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nếu ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, tùy theo khả năng của ông V, bà M không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm và con chung giữa các đương sự nhưng không thành.

- Tại phiên tòa, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bà M khai, từ ngày 17/8/2017 Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V cho đến nay thì bà M và ông V không hàn gắn tình cảm, ông V và bà M cũng không sống chung. Bà M không đồng ý ly hôn với ông V.

Hội đồng xét xử, công bố lời khai ngày 11/4/2019 của cháu Vương Gia H; cháu có nguyện vọng được sống chung với bà M (mẹ) đã lo cho các cháu ăn học, cuộc sống ổn định.

Đồng thời, công bố biên bản xác minh ngày 02/4/2019 do Ban ấp LH, xã LH, huyện PT, tỉnh AG cung cấp: Ông V và bà M là vợ chồng. Sau khi kết hôn, ông V và bà M về sống với mẹ ruột của ông V được một thời gian, sau đó vợ chồng ông V, bà M đi làm ở thành phố HCM. Năm 2017, ông V khởi đơn kiện ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, kể từ ngày khởi đơn kiện ly hôn cho đến nay bà M không tới lui nhà ông V. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình Ban ấp không biết, ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác hay không Ban ấp không biết. Ông V mua bán đồ gia dụng tại các chợ trên TC, tỉnh AG hoặc huyện HN, tỉnh DT thu nhập ổn định. Con chung của ông V và bà M, đang sống chung với bà M thỉnh thoảng ông V có chở bé về nhà chơi vài ngày ở ấp LH, xã LH, huyện PT, tỉnh AG.

Công bố biên bản xác minh ngày 02/4/2019 do Ban khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG cung cấp: Bà Lý Ngọc M có kết hôn với ông Vương Hồ V, sau khi kết hôn bà M về sống chung gia đình ông V. Năm 2017, ông V ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Từ đó đến nay, bà M về sống chung với gia đình mẹ ruột bà M tại khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG và không biết có tới lui với gia đình ông V hay không. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của bà M và ông V Ban khóm không rõ. Bà M và ông V có 01 con chung tên Vương Gia H, sinh năm 2011. Hiện cháu Hỷ sống chung với bà M và cháu đi học ở trường Tiểu học LH. Chị M buôn bán tại chợ TC – thị xã TC, tỉnh AG, cuộc sống của mẹ và con bà M ổn định.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Năm 2009, ông V và bà M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT. Quá trình chung sống, ông V và bà M phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và kinh tế. Năm 2016, ông V khởi kiện xin ly hôn bà M, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V. Thời gian hơn 15 tháng, ông V và bà M không hàn gắn tình cảm và không sống chung được. Tình cảm của ông V và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Ông V xin ly hôn bà M là có căn cứ.

Về con chung: Cháu Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011 hiện đang sống với bà M, cháu Hỷ có nguyện vọng được sống với bà M; bà M có yêu cầu được nuôi con chung. Ông V đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dạy, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Nợ chung: Đã giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Hồ V được ly hôn bà Lý Ngọc M.

Về con chung: Bà Lý Ngọc M được nuôi dạy cháu Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011. Công nhận sự tự nguyện của ông Vương Hồ V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: Ông Vương Hồ V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (án phí dân sự).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tổ tụng:*

Về thẩm quyền: Ông Vương Hồ V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lý Ngọc M. Bà M có nơi cư trú: Số 619, khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào khoảng 2009, ông V và bà M do mai mối, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT, tỉnh AG số đăng ký kết hôn 50, quyển số I ngày 14/5/2009. Sau khi kết hôn, ông V và bà M đi làm ở thành phố HCM được 01 (một) năm sau đó, trở về địa phương sống chung với gia đình mẹ ruột bà M tại khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, ông V và bà M chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, ông V và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, do bà M buôn bán thua lỗ dẫn đến thiếu nợ nhiều người.

Theo bản án hôn nhân và gia đình số 273/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tuyên xử, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V; giải quyết về phần nợ chung của ông V và bà M (bản án có hiệu lực pháp luật).

Ông V và bà M đồng thống nhất khai, kể từ ngày Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông V cho đến nay, ông V và bà M không liên lạc với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông V kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Lý Ngọc M. Bà M yêu cầu đoàn tụ và cho rằng, ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà M không có chứng cứ chứng minh được.

Theo biên bản xác minh tại Ban ấp LH, xã LH, huyện PT, tỉnh AG: Năm 2017, ông V khởi đơn kiện ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, kể từ ngày khởi đơn kiện ly hôn cho đến nay bà M không tới lui nhà ông V.

Biên bản xác minh Ban khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG: Năm 2017, ông V ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Từ đó đến nay, bà M về sống chung với gia đình mẹ ruột bà M tại khóm LT1, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG. Không rõ nguyên nhân.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Thời gian Tòa án nhân dân thị xã TC không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc xin ly hôn với bà M đến nay đã hơn 01 năm, ông V và bà M không hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Ông V và bà M lại tiếp tục sống xa nhau, không liên lạc với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tình trạng vợ chồng ông V và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho ông V. Xét, cho ông V ly hôn với bà M là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai bị đơn, biên bản hòa giải và tại phiên toà, ông V và bà M đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011. Ông V đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dạy, đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/4/2019, cháu H có nguyện vọng sống chung với bà M, cháu được ăn học và có cuộc sống ổn định. Bà M khai, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nếu ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, tùy theo khả năng của ông V.

Xét, giao cháu Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011 cho bà M tiếp tục nuôi dạy; Công nhận sự tự nguyện của ông V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con thành niên và không mất khả năng lao động là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về nợ chung: ông V và bà M thống nhất, nợ chung đã được giải quyết bằng bản án hôn nhân và gia đình số 273/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu và đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành án, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng); tổng cộng 600.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ

300.000 đồng tạm ứng án phí; ông V phải nộp 300.000 đồng án phí. Bà M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Hồ V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Hồ V được ly hôn bà Lý Ngọc M.

Giấy chứng nhận kết hôn số số đăng ký kết hôn 50, quyển số I ngày 14/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT, tỉnh AG cấp cho ông Vương Hồ V và bà Lý Ngọc M không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Lý Ngọc M được nuôi tiếp tục dạy cháu Vương Gia H, sinh ngày 02/7/2011; Công nhận sự tự nguyện của ông Vương Hồ V cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Bà Lý Ngọc M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Vương Hồ V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Vương Hồ V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001623 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Ông V phải nộp 300.000 đồng án phí.

Bà Lý Ngọc M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Vương Hồ V và bà Lý Ngọc M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết